TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 11 - 2022.
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Ngọc Thới Phần.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thật

2. Ông Nguyễn Quốc Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 218/2022/TLST- HNGĐ, ngày 14 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Mộng Th, sinh năm 1981.

HKTT: Ấp 2, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang

Chỗ ở hiện nay: Ấp 3, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn L, sinh năm 1980.

HKTT: Ấp 2, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 3, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị Mộng Th trình bày:

Vào năm 2002, chị Th và anh Lê Văn L do mai mối và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới. Ngày 27/9/2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L nhậu say rồi ghen tuông vô cớ dẫn đến việc vợ chồng cự cãi, mặc dù đã tìm cách hàn gắn và động viên nhau nhưng không thành. Hiện tại cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Chị và anh L đã ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Phước D (giới tính: Nam), sinh ngày 14/8/2003 và cháu Lê Kiều L (giới tính: Nữ), sinh ngày: 03/4/2013. Hai con chung hiện nay đang sống chung với chị Th. Khi ly hôn chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu L, chưa yêu cầu anh L cấp dưỡng. Đối với cháu D đã trưởng thành nên chị Th không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Có 16 công đất ruộng và rẫy, 01 căn nhà cấp 4 tại Ấp 3, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn L trình bày:

Anh L thống nhất với lời trình bày của chị Th về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nhưng nay anh L còn thương vợ và các con nên anh L xin được đoàn tụ và hứa sẽ sửa đổi bản thân.

Về con chung: Anh L yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu L, chưa yêu cầu chị Th cấp dưỡng. Đối với cháu D đã trưởng thành nên không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Có nhưng tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh L vẫn giữ nguyên lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Phan Thị Mộng Th khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn anh Lê Văn L. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là "Tranh chấp về

hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con". Bị đơn có nơi cư trú tại huyện L, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh L tự nguyện kết hôn vào năm 2002 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của chị Th và anh L được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống chị Th và anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị Th cho rằng mâu thuẫn giữa chị và anh L không thể hàn gắn, chị Th không thể tiếp tục sống chung với anh L được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh L. Thời gian ly thân kéo dài nhưng chị Th và anh L không hàn gắn được. Đến thời điểm xét xử chị Th vẫn cương quyết xin ly hôn. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị Th và anh L thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng chị Th và anh L không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ mà chị Th yêu cầu xin ly hôn với anh L là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th. Cho chị Th và anh L được ly hôn.

[2.2]. Về con chung: Xét thấy, từ khi chị Th và anh L ly thân cho đến nay, cháu L sống chung với chị Th, được chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Cháu L đã hơn 07 tuổi và có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị Th. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và sự phát triển toàn diện của cháu L nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu L cho chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh L chưa phải cấp dưỡng nuôi cháu L do chị Th chưa yêu cầu. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở. Đối với cháu D đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị Th và anh L khai có nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Chị Th và anh L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Th phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), đã nộp xong.

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Mộng Th đối với anh Lê Văn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Mộng Th và Lê Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Kiều L (giới tính: Nữ), sinh ngày: 03/4/2013 cho chị Phan Thị Mộng Th tiếp tục nuôi dưỡng. Anh L chưa phải cấp dưỡng nuôi cháu L do chị Th chưa yêu cầu. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở. Đối với cháu Lê Phước D (giới tính: Nam), sinh ngày 14/8/2003 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Th và anh L khai có nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Th và anh L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Phan Thị Mộng Th phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo lai thu số 0006488 ngày 14/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã X;
- Các dương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Ngọc Thới Phần